

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 457/2020/DS-PT
Ngày: 03-6-2020
V/v tranh chấp đòi lại tài sản và yêu cầu
xin lỗi công khai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Hòa

Ông Trịnh Đắc Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phan Văn Kiên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 tháng 5 và 3 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020, về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản và yêu cầu xin lỗi công khai”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 348/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1945; địa chỉ: Số 119 Đường N2, Khu dân cư M, Khu phố 3, phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Lê K – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 472 đường Th, Khu phố 5, phường Ph, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn T - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Ông T là con, người thừa kế duy nhất của bà Lê Thị D (sinh năm 1914). Sau khi bà D qua đời, ông đem hũ cốt của bà D thờ bên cạnh hũ cốt của cha ông là ông Phan Văn Q tại Quan Âm tu viện, địa chỉ: K2/77 Khu phố 3, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vào ngày 04/9/2018 và 08/9/2018, bà Lê Thị Ngọc A, con gái ông T đã lấy trộm hũ cốt của mẹ ông, hai bài vị (Bia đá) thờ cha, mẹ và bảng tên trên hũ cốt của cha ông. Ông có yêu cầu bà Ngọc A trả lại số di vật nói trên nhưng bà Ngọc A không trả, ngược lại còn có lời lẽ xúc phạm, đe dọa gia đình ông làm cho gia đình ông xáo trộn. Sau thời gian tìm kiếm di vật, ông đã tìm được hũ cốt của mẹ, còn 2 bài vị bằng đá và 1 bảng tên hũ cốt của cha ông thì chưa tìm được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đồng thời bổ sung thêm 02 yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết:

Bà Lê Thị Ngọc A phải trả lại cho ông hai bài vị bằng đá của cha, mẹ và bảng tên hũ cốt của cha; buộc bị đơn xin lỗi công khai và cam kết chấm dứt hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm gia đình ông;

Buộc bị đơn Bà Lê Thị Ngọc A không được tới nhà nguyên đơn và không được đến chùa Quan Âm tu viện.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa và có bản tự khai đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt. Tại Bản tự khai ngày 02/10/2019, bà Ngọc A trình bày:

Bà Ngọc A không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T vì hũ cốt của bà nội bà ông T đã lấy lại. Còn hai bài vị và bảng tên trên hũ cốt bà Ngọc A đã mang đi thủy táng tại sông Đồng Nai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn T về việc buộc bị đơn bà Lê Thị Ngọc A phải hoàn trả di vật là 02 bài vị, 01 mang tên cụ bà Lê Thị D; 01 bài vị mang tên cụ ông Phan Văn Q và bảng tên trên hũ cốt cụ ông Phan Văn Q.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn T về việc buộc bị đơn bà Lê Thị Ngọc A phải xin lỗi công khai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 14/11/2019, Tòa án nhân dân Quận Z nhận được Đơn kháng cáo của nguyên đơn, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo.

Người kháng cáo – ông Lê Văn T trình bày: Ông kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, do bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận Z tuyên không khách quan, ông yêu cầu bà Ngọc A hoàn trả di vật là 02 bài vị, 01 mang tên cụ bà Lê Thị D; 01 bài vị mang tên cụ ông Phan Văn Q và bảng tên trên hũ cốt cụ ông Phan Văn Q; không yêu cầu bồi thường bằng tiền. Đồng thời, ông T không yêu cầu bà Ngọc A xin lỗi công khai mà chỉ yêu cầu bà Ngọc A làm bản cam kết không đăng bài trên facebook với nội dung xúc phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của ông.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Xác định các tài sản nguyên đơn khởi kiện đòi lại nói trên là thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn. Căn cứ vào các quy định tại khoản 1 Điều 163 và Điều 181 Bộ luật Dân sự, bị đơn - bà Ngọc A đã vi phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của nguyên đơn; do đó, nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tài sản. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh là của bị đơn, bị đơn thừa nhận đã lấy tài sản rồi thủy táng ở sông Đồng Nai thì bị đơn phải chứng minh và phải có nghĩa vụ trả lại tài sản cho nguyên đơn. Căn cứ Điều 34 Bộ luật Dân sự thì bị đơn đã đăng tải bài trên facebook xúc phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của nguyên đơn. Đề nghị chấp nhận kháng cáo và chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn các tài sản gồm 02 bài vị và 01 bảng tên trên hũ cốt cụ ông Phan Văn Q, buộc bị đơn viết cam kết theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn viết bản cam kết không đăng bài trên facebook với nội dung xúc phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi lại tài sản là hai bài vị và bảng tên trên hũ cốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn - bà Lê Thị Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn – ông Lê Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2.1] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tài sản là 2 bài vị mang tên cụ bà Lê Thị D và cụ ông Phan Văn Q, 1 bảng tên trên hũ cốt cụ ông Phan Văn Q.

Trước hết, cần xác định các vật nói trên có phải là tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 105 Bộ luật Dân sự 2015 tài sản được định nghĩa như sau: “Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản.”; do đó, xác định các vật đối tượng tranh chấp trong vụ án này là tài sản là phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, như cấp sơ thẩm đã nhận định các tài sản này là vật thờ cúng, mang giá trị tinh thần, tâm linh, không có giá trị trong giao dịch dân sự.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua điều tra thu thập chứng cứ tại Quan Âm tu viện (thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam), cấp sơ thẩm xác định những di vật là bài vị và hũ cốt của cha, mẹ ông T (cụ bà Lê Thị D và cụ ông Phan Văn Q) là có thật và được gửi tại Quan Âm tu viện, ông T là người con trai duy nhất của cụ Lê Thị D và cụ Phan Văn Q và ông T là người bỏ tiền ra mua bài vị nên ông T là người có quyền sở hữu đối với những di vật và có quyền quản lý đối với bài vị và hũ cốt của cụ D và cụ Q cho mục đích thờ cúng là có cơ sở. Vì vậy, việc bà Ngọc A tự ý mang hũ cốt và bài vị của cụ D và cụ Q ra khỏi Quan Âm tu viện khi chưa được sự đồng ý của ông T là trái với đạo lý, trái với phong tục tập quán Việt Nam, được coi là hành vi xâm phạm quyền sở hữu của ông T đối với những di vật này. Ông T đã lấy lại được hũ cốt của cụ Lê Thị D, nay ông yêu cầu bà Ngọc A trả lại 2 bài vị mang tên cụ Lê Thị D và cụ Phan Văn Q, 1 bảng tên trên hũ cốt cụ Phan Văn Q.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 113 Bộ luật Dân sự thì bài vị và bảng tên trên hũ cốt cụ Q được coi là vật đặc định (không có vật thay thế), theo lời khai của bị đơn thì bài vị của cụ D và cụ Q đã được bị đơn thủy táng tại sông Đồng Nai (việc này bị đơn đã trình báo với Công an phường Ph, Quận Z và Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Tại hai cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh những di vật này vẫn đang tồn tại nên vật tranh chấp được coi là không còn; vì vậy, yêu cầu đòi lại tài sản là hai bài vị và một bảng tên trên hũ cốt của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã giải thích về quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải bồi thường bằng tiền nên hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn viết bản cam kết với nội dung cam đoan từ nay về sau không viết bài trên facebook cá nhân nhằm mục đích xúc phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của nguyên đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã công khai mở trang facebook NgocA Lethi trình chứng cứ cho Hội đồng xét xử, trên trang bìa facebook NgocA Lethi nguyên đơn xác nhận có hình ảnh vợ chồng bà Ngọc A, tại trang nhất có giới thiệu về nhân thân và nơi làm việc của bà Ngọc A là Công ty Điện lực Thủ Thiêm. Tiếp theo tại facebook này có các bài viết được chia sẻ công khai nhiều lần vào các ngày 04, 05 và 09 tháng 3 năm 2018, ngày 15 tháng 9 và 03 tháng 10 năm 2018 có nội dung bà Ngọc A viết với lời lẽ xúc phạm cha mình là ông T, có đăng tải hình ảnh ông T và chân dung cụ bà Lê Thị D; đặc biệt có bài viết bà Ngọc A đăng tải họ tên đầy đủ, số điện thoại của mình, địa chỉ cơ quan mình để giao dịch với bà Trương Thị Tuyền mà bà Ngọc A đã thừa nhận khi làm việc với tổ chức Công đoàn Công ty Điện lực Thủ Thiêm theo Công văn số 930/PCTTh-TCNS ngày 19/9/2019 của Công ty Điện lực Thủ Thiêm; do đó, có cơ sở xác định đây là trang facebook cá nhân của bị đơn. Theo đạo lý và truyền thống của người Việt Nam, con cái phải kính trọng, có hiếu với cha mẹ nhưng bà Ngọc A là con ruột của ông T mà lại dùng những lời lẽ vu khống, bất kính với cha mình làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của cha là không thể chấp nhận.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong đó có trường hợp bồi thường do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm quy định phải có đủ 4 yếu tố sau: Phải có thiệt hại xảy ra, phải có hành vi trái pháp luật, phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái pháp luật, phải có lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý của người gây thiệt hại. Thiệt hại đối với nguyên đơn ở đây là thiệt hại về tinh thần khi bị chính con ruột xúc phạm nặng nề, làm người khác hiểu lầm về mình; hành vi đăng bài và hình ảnh công khai vu khống cha mình trên facebook cá nhân không những trái với đạo đức xã hội mà còn vi phạm pháp luật; những lời lẽ vu khống, nói xấu cha dĩ nhiên dẫn đến hậu quả tổn hại tinh thần của cha mình, bị đơn nhận thức được nhưng vẫn có hành vi bất hiếu với cha đây là lỗi cố ý; do vậy, cần buộc bị đơn phải viết cam kết chấm dứt những hành vi nói trên theo yêu cầu của nguyên đơn.

Từ các lập luận trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận Z, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải viết cam kết không đăng bài trên facebook cá nhân với lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu đòi lại tài sản là 02 bài vị và bảng tên trên hũ cốt cụ Phan Văn Q của nguyên đơn.

Về án phí: Cấp sơ thẩm miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật. Do bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ viết cam kết nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn và bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn – ông Lê Văn T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Lê Văn T về việc buộc bị đơn bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1971 phải viết bản cam kết với nội dung: Cam đoan từ nay về sau không viết bài đăng facebook cá nhân với lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của ông Lê Văn T.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - ông Lê Văn T về việc buộc bị đơn - bà Lê Thị Ngọc A phải hoàn trả tài sản là 02 bài vị, 01 bài vị mang tên cụ bà Lê Thị D; 01 bài vị mang tên cụ ông Phan Văn Q và bằng tên trên hũ cốt cụ ông Phan Văn Q.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn T và bà Lê Thị Ngọc A không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận Z;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Z;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hương